

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Số: 115.../QĐ-ĐHNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 02 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-ĐHNT ngày 24/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học, liên thông và bằng hai;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo và Bồi dưỡng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

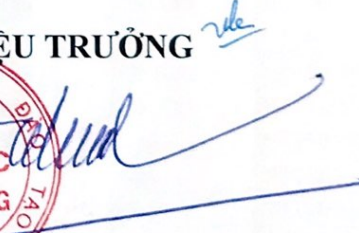
**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy cho 205 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

| TT               | Ngành tốt nghiệp                 | Số lượng   |
|------------------|----------------------------------|------------|
| 1                | Công nghệ kỹ thuật thực phẩm     | 17         |
| 2                | Ngôn ngữ Anh                     | 24         |
| 3                | Công nghệ kỹ thuật Xây dựng      | 07         |
| 4                | Kế toán                          | 124        |
| 5                | Quản trị kinh doanh              | 32         |
| 6                | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 01         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                  | <b>205</b> |

**Điều 2.** Trường các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Lưu VT, TTĐT&BD.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
*Trang Thị Trung*



# DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Theo Quyết định số: 115/QĐ-ĐHNT ngày 12 tháng 02 năm 2018)

## 1. Ngành: Công nghệ thực phẩm

| TT | MSSV     | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Xếp loại | Lớp     |
|----|----------|-----------------------|------------|------------|----------|---------|
| 1  | 15TP0100 | Nguyễn Văn Bảo        | 13/11/1993 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15CTP |
| 2  | 15TP0101 | Trần Đình Chắt        | 16/03/1992 | Nghệ An    | TB Khá   | NT15CTP |
| 3  | 15TP0102 | Nguyễn Thị Hằng       | 10/05/1994 | Phú Yên    | Khá      | NT15CTP |
| 4  | 15TP0153 | Nguyễn Thị Huệ        | 10/01/1985 | Hà Tĩnh    | Khá      | NT15CTP |
| 5  | 15TP0103 | Lê Hữu Luân           | 01/08/1993 | Phú Yên    | Khá      | NT15CTP |
| 6  | 15TP0104 | Dương Thị Hồng Phương | 05/06/1987 | Lâm Đồng   | Giỏi     | NT15CTP |
| 7  | 15TP0119 | Nguyễn Thanh Sang     | 26/02/1994 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15CTP |
| 8  | 15TP0106 | Hoàng Văn Thảo        | 19/11/1993 | Lạng Sơn   | TB Khá   | NT15CTP |
| 9  | 15TP0107 | Lương Thị Hoa Thảo    | 20/11/1993 | Thái Bình  | Khá      | NT15CTP |
| 10 | 15TP0110 | Phạm Văn Thương       | 01/01/1993 | Bình Định  | Khá      | NT15CTP |
| 11 | 15TP0109 | Trần Trí Thức         | 19/05/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá   | NT15CTP |
| 12 | 15TP0108 | Đặng Thị Kim Thúy     | 01/05/1993 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15CTP |
| 13 | 15TP0111 | Huỳnh Trung Tín       | 10/10/1991 | Bình Định  | Khá      | NT15CTP |
| 14 | 15TP0113 | Trần Ngọc Kiều Trang  | 03/03/1993 | Quảng Trị  | Khá      | NT15CTP |
| 15 | 15TP0115 | Trịnh Thị Minh Trương | 03/03/1980 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15CTP |
| 16 | 15TP0116 | Nguyễn Thị Tường Vi   | 22/03/1980 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15CTP |
| 17 | 15TP0118 | Trần Thị Vy           | 04/04/1994 | Quảng Ngãi | Giỏi     | NT15CTP |

Danh sách gồm 17 sinh viên.

## 2. Ngành: Ngôn ngữ Anh

| TT | MSSV     | Họ và tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Xếp loại | Lớp       |
|----|----------|--------------------------|------------|------------|----------|-----------|
| 1  | 20150059 | Nguyễn Thị Bích Vui      | 09/08/1991 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA1 |
| 2  | 20150251 | Nguyễn Thị Minh Châu     | 27/03/1993 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 3  | 20150261 | Phạm Văn Cường           | 27/10/1989 | Ninh Bình  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 4  | 20150312 | Võ Nguyên Hạnh           | 28/04/1993 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 5  | 20150269 | Huỳnh Lê Chi Hải         | 08/08/1990 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 6  | 20150257 | Lê Ngọc Hoàng            | 01/01/1993 | Phú Yên    | TB Khá   | NT15B2TA2 |
| 7  | 20150311 | Cao Xuân Hưng            | 21/03/1993 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 8  | 20150268 | Trịnh Thị Thu Huyền      | 22/09/1993 | Hải Phòng  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 9  | 20150302 | Phí Hải Long             | 29/06/1987 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 10 | 20150292 | Huỳnh Đăng Luận          | 29/07/1992 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 11 | 20150284 | Huỳnh Ngọc Thảo Ly       | 02/10/1990 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 12 | 20150318 | Nguyễn Huỳnh Thị Hồng Ly | 07/07/1990 | Lâm Đồng   | Khá      | NT15B2TA2 |
| 13 | 20150283 | Nguyễn Văn Nam           | 10/06/1989 | Nam Định   | Khá      | NT15B2TA2 |
| 14 | 20150290 | Lê Thị Hoàng Ngọc        | 28/05/1992 | Khánh Hòa  | TB Khá   | NT15B2TA2 |
| 15 | 20150325 | Đoàn Tử Nguyên Ngọc      | 11/07/1991 | Đắk Lắk    | Khá      | NT15B2TA2 |
| 16 | 20150264 | Trương Thị Nhung         | 20/07/1993 | Bình Định  | TB Khá   | NT15B2TA2 |
| 17 | 20150289 | Nguyễn Trần Hồng Phương  | 28/06/1980 | Bình Thuận | TB Khá   | NT15B2TA2 |
| 18 | 20150301 | Trần Ngọc Nhã Phương     | 01/01/1986 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 19 | 20150267 | Phạm Thị Như Quỳnh       | 18/11/1993 | Gia Lai    | Khá      | NT15B2TA2 |
| 20 | 20150258 | Trần Bảo Trân            | 30/01/1990 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 21 | 20150275 | Đoàn Thị Thanh Trà       | 10/10/1991 | Khánh Hòa  | TB Khá   | NT15B2TA2 |
| 22 | 20150280 | Trần Minh Tuấn           | 23/09/1991 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |
| 23 | 20150259 | Đặng Thị Kim Vàng        | 01/11/1993 | Phú Yên    | Khá      | NT15B2TA2 |
| 24 | 20150277 | Diêu Phạm Hoàng Vy       | 02/12/1988 | Khánh Hòa  | Khá      | NT15B2TA2 |

Danh sách gồm 24 sinh viên.



**Ngành: Công nghệ kỹ thuật xây dựng**

| TT | MSSV       | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Xếp loại | Lớp     |
|----|------------|-----------------|-------|------------|-----------|----------|---------|
| 1  | NT15XD0102 | Lê Hữu          | Hậu   | 25/05/1991 | Bình Định | Khá      | NT15CXD |
| 2  | NT15XD0109 | Trần            | Quang | 20/05/1990 | Khánh Hòa | TB Khá   | NT15CXD |
| 3  | NT15XD0115 | Bùi Đức         | Toàn  | 16/01/1992 | Khánh Hòa | TB Khá   | NT15CXD |
| 4  | NT15XD0116 | Nguyễn Bá       | Tồn   | 06/03/1993 | Phú Yên   | Khá      | NT15CXD |
| 5  | NT15XD0168 | Nguyễn Thanh    | Tâm   | 06/08/1990 | Bình Định | TB Khá   | NT15CXD |
| 6  | NT15XD0169 | Nguyễn Hữu Tiến | Thành | 27/12/1993 | Khánh Hòa | TB Khá   | NT15CXD |
| 7  | NT15XD0176 | Nguyễn Đắc      | Vũ    | 27/03/1988 | Khánh Hòa | Khá      | NT15CXD |

Danh sách gồm 07 sinh viên.

**4. Ngành: Kế toán**

| TT | MSSV       | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Xếp loại | Lớp     |
|----|------------|------------------|-------|------------|----------------|----------|---------|
| 1  | DN15DN0150 | Nguyễn Thị Lan   | Anh   | 26/04/1992 | Quảng Trị      | Khá      | DN15DNC |
| 2  | DN15DN0151 | Phạm Thị         | Ánh   | 24/07/1994 | Đà Nẵng        | Khá      | DN15DNC |
| 3  | DN15DN0152 | Võ Thị Luy       | Ben   | 12/09/1993 | Thừa Thiên Huế | Khá      | DN15DNC |
| 4  | DN15DN0154 | Phạm Thị         | Chinh | 24/07/1994 | Nghệ An        | Khá      | DN15DNC |
| 5  | DN15DN0156 | Nguyễn Danh      | Công  | 06/08/1991 | Đà Nẵng        | TB Khá   | DN15DNC |
| 6  | DN15DN0157 | Huỳnh Thị Thanh  | Diệp  | 20/11/1992 | Quảng Nam      | Khá      | DN15DNC |
| 7  | DN15DN0158 | Đoàn Hồng        | Dịu   | 28/01/1990 | Thái Bình      | Khá      | DN15DNC |
| 8  | DN15DN0159 | Nguyễn Thị Hương | Duyên | 31/07/1994 | Quảng Bình     | Khá      | DN15DNC |
| 9  | DN15DN0160 | Trần Thị         | Duyên | 01/10/1994 | Nghệ An        | TB Khá   | DN15DNC |
| 10 | DN15DN0161 | Lê Thị Hương     | Giang | 20/08/1993 | Hà Tĩnh        | TB Khá   | DN15DNC |
| 11 | DN15DN0163 | Văn Thị Thu      | Hà    | 05/07/1993 | Quảng Nam      | Khá      | DN15DNC |
| 12 | DN15DN0164 | Lê Thị           | Hạnh  | 07/03/1993 | Thanh Hóa      | Khá      | DN15DNC |
| 13 | DN15DN0167 | Trần Thị         | Hoài  | 26/03/1992 | Hà Tĩnh        | TB Khá   | DN15DNC |
| 14 | DN15DN0168 | Phan Thị Như     | Hoàng | 08/08/1993 | Quảng Nam      | TB Khá   | DN15DNC |
| 15 | DN15DN0169 | Trần Thị         | Huệ   | 04/06/1994 | Quảng Trị      | Khá      | DN15DNC |
| 16 | DN15DN0170 | Lê Thị           | Huyền | 22/03/1991 | Quảng Trị      | Khá      | DN15DNC |
| 17 | DN15DN0172 | Phan Thị Thanh   | Kha   | 10/11/1994 | Đà Nẵng        | Khá      | DN15DNC |
| 18 | DN15DN0173 | Trần Diệp        | Lam   | 05/09/1994 | Quảng Nam      | Khá      | DN15DNC |
| 19 | DN15DN0175 | Cù Thị           | Lê    | 30/10/1993 | Hà Tĩnh        | Khá      | DN15DNC |
| 20 | DN15DN0174 | Phan Thị Cẩm     | Lê    | 08/06/1994 | Bình Định      | TB Khá   | DN15DNC |
| 21 | DN15DN0176 | Hoàng Thị        | Liên  | 25/04/1994 | Quảng Bình     | TB Khá   | DN15DNC |
| 22 | DN15DN0235 | Hồ Thị Mỹ        | Liên  | 04/08/1994 | Quảng Trị      | Khá      | DN15DNC |
| 23 | DN15DN0177 | Hà Thị           | Linh  | 13/03/1994 | Thanh Hóa      | Khá      | DN15DNC |
| 24 | DN15DN0179 | Thân Thị Phương  | Loan  | 12/04/1994 | Đà Nẵng        | TB Khá   | DN15DNC |
| 25 | DN15DN0180 | Huỳnh Thị Thu    | Mai   | 21/01/1994 | Đà Nẵng        | TB Khá   | DN15DNC |
| 26 | DN15DN0181 | Trần Thị         | Mai   | 06/04/1993 | Thừa Thiên Huế | Khá      | DN15DNC |
| 27 | DN15DN0182 | Trần Thị Ngọc    | Mai   | 18/04/1992 | Quảng Trị      | TB Khá   | DN15DNC |

*nhk*



|    | MSSV       | Họ và tên          | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Xếp loại   | Lớp      |
|----|------------|--------------------|------------|----------------|------------|----------|
| 28 | DN15DN0183 | Nguyễn Thị My      | 21/08/1994 | Quảng Trị      | Khá        | DN15DNC  |
| 29 | DN15DN0184 | Nguyễn Thị Lệ      | 02/04/1991 | Quảng Nam      | Khá        | DN15DNC  |
| 30 | DN15DN0186 | Đặng Thị Thùy      | 27/01/1992 | Đà Nẵng        | TB Khá     | DN15DNC  |
| 31 | DN15DN0187 | Nguyễn Thị Ngân    | 25/01/1994 | Hà Tĩnh        | Khá        | DN15DNC  |
| 32 | DN15DN0188 | Nguyễn Thị Ngân    | 15/02/1992 | Hà Tĩnh        | TB Khá     | DN15DNC  |
| 33 | DN15DN0189 | Nguyễn Thị Bích    | 01/10/1989 | Quảng Nam      | Khá        | DN15DNC  |
| 34 | DN15DN0191 | Nguyễn Thị Hạ      | 09/01/1991 | Quảng Nam      | Khá        | DN15DNC  |
| 35 | DN15DN0193 | Nguyễn Thị Nguyệt  | 11/10/1994 | Nghệ An        | Khá        | DN15DNC  |
| 36 | DN15DN0194 | Nguyễn Đình Nhân   | 27/06/1994 | Quảng Trị      | TB Khá     | DN15DNC  |
| 37 | DN15DN0195 | Lê Ngọc Như        | 19/05/1994 | Quảng Trị      | Khá        | DN15DNC  |
| 38 | DN15DN0196 | Nguyễn Thị Phương  | 11/01/1993 | Quảng Bình     | Khá        | DN15DNC  |
| 39 | DN15DN0198 | Mai Thị Hạnh       | 24/04/1990 | Đà Nẵng        | TB Khá     | DN15DNC  |
| 40 | DN15DN0202 | Trần Thị Như       | 06/12/1994 | Đà Nẵng        | TB Khá     | DN15DNC  |
| 41 | DN15DN0203 | Trần Thị Thanh     | 28/05/1991 | Quảng Nam      | TB Khá     | DN15DNC  |
| 42 | DN15DN0204 | Trần Thị Sơn       | 01/10/1992 | Bắc Giang      | Khá        | DN15DNC  |
| 43 | DN15DN0205 | Phạm Thái Sơn      | 30/10/1992 | Đắk Lắk        | TB Khá     | DN15DNC  |
| 44 | DN15DN0207 | Lê Thanh Tài       | 10/01/1991 | Đà Nẵng        | TB Khá     | DN15DNC  |
| 45 | DN15DN0209 | Hoàng Thị Thanh    | 28/08/1993 | Thừa Thiên Huế | Khá        | DN15DNC  |
| 46 | DN15DN0210 | Ngô Văn Thành      | 15/10/1991 | Đà Nẵng        | Khá        | DN15DNC  |
| 47 | DN15DN0211 | Lê Thị Thảo        | 01/02/1994 | Quảng Trị      | TB Khá     | DN15DNC  |
| 48 | DN15DN0212 | Lê Thị Hương       | 18/11/1991 | Đà Nẵng        | TB Khá     | DN15DNC  |
| 49 | DN15DN0215 | Phạm Thị Phương    | 28/08/1994 | Hà Tĩnh        | Khá        | DN15DNC  |
| 50 | DN15DN0218 | Nguyễn Thị Tĩnh    | 05/02/1984 | Hải Dương      | TB Khá     | DN15DNC  |
| 51 | DN15DN0220 | Hà Thị Thu         | 18/07/1990 | Nghệ An        | Khá        | DN15DNC  |
| 52 | DN15DN0221 | Hoàng Thị Trang    | 22/04/1993 | Quảng Bình     | Khá        | DN15DNC  |
| 53 | DN15DN0222 | Nguyễn Thị Huyền   | 03/10/1992 | Hà Tĩnh        | Khá        | DN15DNC  |
| 54 | DN15DN0225 | Phan Thị Anh       | 15/06/1994 | Đà Nẵng        | Khá        | DN15DNC  |
| 55 | DN15DN0229 | Cao Thị Vân        | 11/07/1993 | Thanh Hóa      | Khá        | DN15DNC  |
| 56 | DN15DN0230 | Nguyễn Cẩm Vân     | 18/05/1993 | Hà Tĩnh        | Khá        | DN15DNC  |
| 57 | DN15DN0232 | Đoàn Thị Kim       | 02/10/1992 | Quảng Bình     | Khá        | DN15DNC  |
| 58 | DN15DN0233 | Nguyễn Thị Hoàng   | 10/12/1993 | Đà Nẵng        | Khá        | DN15DNC  |
| 59 | DN15DN0231 | Trương Thị Như Ý   | 03/11/1991 | Quảng Nam      | TB Khá     | DN15DNC  |
| 60 | 12DN0768   | Nguyễn Thị Thu     | 02/02/1993 | Khánh Hòa      | TB Khá     | NT12TDN3 |
| 61 | 15DN0266   | Nguyễn Thiện Thành | 20/07/1993 | Khánh Hòa      | Trung bình | NT15CDN1 |
| 62 | NT15DN2050 | Phạm Thị Vân       | 03/10/1994 | Khánh Hòa      | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 63 | NT15DN2056 | Lương Thị Mỹ       | 11/11/1993 | Khánh Hòa      | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 64 | NT15DN2060 | Nguyễn Thị Duyên   | 10/02/1993 | Khánh Hòa      | TB Khá     | NT15CDN2 |



|     | MSSV       | Họ và tên                | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Xếp loại   | Lớp      |
|-----|------------|--------------------------|------------|------------|------------|----------|
| 65  | NT15DN2065 | Bùi Thị Ngân Hà          | 15/06/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 66  | NT15DN2066 | Nguyễn Thị Hà            | 20/11/1992 | Hà Tĩnh    | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 67  | NT15DN2074 | Chia Lê Đại Hiếu         | 31/08/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 68  | NT15DN2080 | Trần Khánh Huyền         | 09/06/1994 | Quảng Bình | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 69  | NT15DN2082 | Hồ Thị Xuân Hương        | 21/05/1994 | Phú Yên    | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 70  | NT15DN2095 | Cao Thị Loan             | 16/01/1993 | Nghệ An    | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 71  | NT15DN2096 | Trần Thị Kim Long        | 19/06/1994 | Phú Yên    | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 72  | NT15DN2097 | Bùi Trịnh Bá Luân        | 11/10/1990 | Phú Yên    | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 73  | NT15DN2099 | Lê Thị Sao Mai           | 23/09/1993 | Quảng Bình | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 74  | NT15DN2102 | Trần Diệu Linh Mẫn       | 03/03/1994 | Quảng Bình | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 75  | NT15DN2104 | Nguyễn Ngọc Hà My        | 16/05/1993 | Khánh Hòa  | Khá        | NT15CDN2 |
| 76  | NT15DN2107 | Nguyễn Thị Ngọc Hồng Nga | 08/06/1993 | Khánh Hòa  | Khá        | NT15CDN2 |
| 77  | NT15DN2109 | Nguyễn Thị Ngân          | 30/10/1991 | Nghệ An    | Khá        | NT15CDN2 |
| 78  | NT15DN2110 | Thái Bá Nghĩa            | 11/12/1991 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 79  | NT15DN2111 | Võ Trần Thị Kim Nguyên   | 26/12/1992 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 80  | NT15DN2112 | Lê Thị Thu Nguyệt        | 24/08/1991 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 81  | NT15DN2114 | Nguyễn Thị Hồng Nhi      | 01/11/1992 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 82  | NT15DN2115 | Nguyễn Thị Yến Nhi       | 14/09/1993 | Ninh Thuận | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 83  | NT15DN2122 | Vũ Thị Phin              | 05/02/1993 | Thái Bình  | TB Khá     | NT15CDN2 |
| 84  | NT15DN2171 | Mai Thị Mỹ Ý             | 29/01/1991 | Khánh Hòa  | Khá        | NT15CDN2 |
| 85  | NT15DN2000 | Nguyễn Thị Anh           | 25/07/1994 | ĐăkLăk     | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 86  | NT15DN2054 | Trần Thị Cải             | 07/01/1994 | Phú Yên    | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 87  | NT15DN2069 | Nguyễn Thị Xuân Hạnh     | 07/01/1991 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 88  | NT15DN2093 | Võ Thị Kim Linh          | 10/09/1994 | Phú Yên    | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 89  | NT15DN2100 | Trương Thị Ngọc Mai      | 12/08/1994 | Phú Yên    | Trung bình | NT15CDN3 |
| 90  | NT15DN2123 | Võ Đình Phúc             | 14/07/1994 | Khánh Hòa  | Trung bình | NT15CDN3 |
| 91  | NT15DN2128 | Huỳnh Thị Kim Quy        | 30/10/1994 | Phú Yên    | Khá        | NT15CDN3 |
| 92  | NT15DN2131 | Nguyễn Thị Như Quỳnh     | 19/03/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 93  | NT15DN2132 | Nguyễn Nhất Sâm          | 07/10/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 94  | NT15DN2134 | Nguyễn Thị Tuyết Sương   | 10/02/1994 | Phú Yên    | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 95  | NT15DN2138 | Nguyễn Thị Trúc Thanh    | 16/11/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 96  | NT15DN2144 | Nguyễn Thị Minh Thính    | 12/03/1994 | Phú Yên    | Khá        | NT15CDN3 |
| 97  | NT15DN2155 | Phạm Nguyễn Phương Trinh | 19/09/1994 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 98  | NT15DN2156 | Phạm Nguyễn Phương Trúc  | 13/04/1994 | Phú Yên    | Khá        | NT15CDN3 |
| 99  | NT15DN2166 | Nguyễn Trà Nhật Uyên     | 05/10/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 100 | NT15DN2167 | Trần Thị Kim Uyên        | 26/09/1991 | Phú Yên    | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 101 | NT15DN2170 | Trần Thị Thanh Xuân      | 10/09/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CDN3 |
| 102 | 15DN0119   | Nguyễn Văn Hiệp          | 03/02/1975 | Nghệ An    | TB Khá     | NA15CDN  |
| 103 | HC2010082  | Lê Hoàng Long            | 11/08/1989 | Kiên Giang | Trung bình | DKT20102 |
| 104 | HC2012082  | Danh Đầy                 | 16/07/1990 | Kiên Giang | Trung bình | DKT2012  |



|     | MSSV       | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Nơi sinh       | Xếp loại   | Lớp     |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|----------------|------------|---------|
| 105 | HC2012096  | Lê Thị Yến      | Lai    | 10/09/1988 | Kiên Giang     | Trung bình | DKT2012 |
| 106 | 14DN0479   | Phạm Hiến       | Chương | 20/11/1990 | Hà Tĩnh        | TB Khá     | LD14TDN |
| 107 | 14DN0481   | Nguyễn Thị      | Diệp   | 10/06/1993 | Thừa Thiên Huế | TB Khá     | LD14TDN |
| 108 | 14DN0520   | Đặng Thị Mỹ     | Trâm   | 23/01/1983 | Lâm Đồng       | TB Khá     | LD14TDN |
| 109 | 14DN0526   | Trịnh Minh      | Yến    | 23/10/1980 | Lâm Đồng       | TB Khá     | LD14TDN |
| 110 | 14DN0510   | Bùi Ngọc        | Quốc   | 14/10/1979 | Quảng Trị      | TB Khá     | LD14TDN |
| 111 | 14DN0512   | Trần Thị Thanh  | Tâm    | 22/08/1992 | Nghệ An        | TB Khá     | LD14TDN |
| 112 | 14DN0515   | Nguyễn Thị Hoài | Thương | 24/08/1994 | Lâm Đồng       | TB Khá     | LD14TDN |
| 113 | 14DN0493   | Nguyễn Thị Thùy | Hương  | 15/09/1978 | Thừa Thiên Huế | TB Khá     | LD14TDN |
| 114 | 14DN0496   | Phạm Thị Hương  | Lan    | 08/12/1977 | Lâm Đồng       | TB Khá     | LD14TDN |
| 115 | LD15DN0110 | Vũ Thị Hồng     | Hạnh   | 04/07/1991 | Quảng Nam      | TB Khá     | LD15DNC |
| 116 | LD15DN0111 | Nguyễn Thị Lệ   | Hằng   | 12/04/1977 | Hà Tĩnh        | TB Khá     | LD15DNC |
| 117 | LD15DN0120 | Bùi Thị Bảo     | Linh   | 07/06/1994 | Lâm Đồng       | TB Khá     | LD15DNC |
| 118 | LD15DN0121 | Đỗ Thị Quỳnh    | Mai    | 30/07/1993 | Lâm Đồng       | TB Khá     | LD15DNC |
| 119 | LD15DN0124 | Huỳnh Phước     | Ngân   | 20/12/1985 | Tiền Giang     | Khá        | LD15DNC |
| 120 | LD15DN0135 | Trương Thị Xuân | Thanh  | 06/12/1991 | Lâm Đồng       | Khá        | LD15DNC |
| 121 | LD15DN0137 | Nguyễn Vũ Minh  | Thị    | 12/02/1993 | Lâm Đồng       | TB Khá     | LD15DNC |
| 122 | LD15DN0139 | Bùi Thị Tố      | Thuyền | 26/08/1979 | Lâm Đồng       | TB Khá     | LD15DNC |
| 123 | LD15DN0141 | Hồ Thị Mỹ       | Trang  | 21/01/1992 | Lâm Đồng       | TB Khá     | LD15DNC |
| 124 | LD15DN0142 | Trần Minh       | Trang  | 14/09/1993 | Lâm Đồng       | TB Khá     | LD15DNC |

Danh sách gồm 124 sinh viên.

##### 5. Ngành: Quản trị kinh doanh

| TT | MSSV       | Họ và tên            |        | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Xếp loại   | Lớp      |
|----|------------|----------------------|--------|------------|------------|------------|----------|
| 1  | NT15QT0100 | Ngô Lê Ngọc          | Anh    | 21/07/1994 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 2  | NT15QT0101 | Thân Tuấn            | Anh    | 26/12/1992 | Bắc Giang  | Trung bình | NT15CQT  |
| 3  | NT15QT0102 | Tổng Đình            | Bảo    | 28/02/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 4  | NT15QT0104 | Nguyễn Phúc Thu      | Dung   | 22/10/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 5  | NT15QT0111 | Trịnh Minh           | Hoàng  | 28/01/1994 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 6  | NT15QT0116 | Trần Thị Diệu        | Huyền  | 22/12/1994 | Hà Tĩnh    | TB Khá     | NT15CQT  |
| 7  | NT15QT0117 | Trần Thị Ngọc        | Huyền  | 14/04/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 8  | NT15QT0121 | Mai Hoàng            | Minh   | 13/11/1994 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 9  | NT15QT0125 | Nguyễn Thị Khánh     | Phương | 14/12/1994 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 10 | NT15QT0126 | Phạm Anh             | Sang   | 14/08/1993 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 11 | NT15QT0130 | Tạ Trương Thanh      | Thư    | 29/08/1994 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 12 | NT15QT0136 | Lê Thanh Thảo        | Vy     | 09/04/1994 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 13 | NT15QT0137 | Trần Phương Huyền Hạ | Vỹ     | 26/02/1994 | Khánh Hòa  | Khá        | NT15CQT  |
| 14 | NT15QT0138 | Hoàng Thị Ngọc       | Yến    | 18/07/1994 | Khánh Hòa  | TB Khá     | NT15CQT  |
| 15 | LQT102014  | Tiết Văn             | Hát    | 1988       | Kiên Giang | Trung bình | LQT20102 |
| 16 | LQT102044  | Tạ Thị               | Sửu    | 04/12/1984 | Kiên Giang | Trung bình | LQT20102 |
| 17 | LQT102055  | Trần Thị Ngọc        | Thúy   | 30/10/1985 | Kiên Giang | Trung bình | LQT20102 |
| 18 | LQT102060  | Nguyễn Kiên          | Trung  | 04/06/1983 | Kiên Giang | TB Khá     | LQT20102 |
| 19 | DN15QT0101 | Nguyễn Thị Diệu      | Anh    | 01/02/1993 | Đà Nẵng    | TB Khá     | DN15QTC  |
| 20 | DN15QT0128 | Phạm Thị             | Hạnh   | 27/02/1993 | Phú Yên    | TB Khá     | DN15QTC  |
| 21 | DN15QT0103 | Lê Vũ Đình           | Hiển   | 03/09/1994 | Đà Nẵng    | Khá        | DN15QTC  |



|    | MSSV       | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Xếp loại | Lớp     |
|----|------------|----------------|--------|------------|-----------|----------|---------|
| 22 | DN15QT0106 | Phạm Thị Thu   | Huyền  | 30/06/1994 | Nghệ An   | Khá      | DN15QTC |
| 23 | DN15QT0112 | Huỳnh Thị Minh | Nguyệt | 16/01/1993 | Quảng Nam | TB Khá   | DN15QTC |
| 24 | DN15QT0114 | Nguyễn Thị     | Phụng  | 21/08/1993 | Quảng Nam | Khá      | DN15QTC |
| 25 | DN15QT0116 | Trần Thị Thanh | Phương | 11/05/1994 | Quảng Nam | Khá      | DN15QTC |
| 26 | DN15QT0130 | Đào Ngọc Hải   | Tây    | 27/07/1993 | Đà Nẵng   | TB Khá   | DN15QTC |
| 27 | DN15QT0119 | Đào Thị        | Thúy   | 13/11/1994 | Quảng Nam | Khá      | DN15QTC |
| 28 | DN15QT0126 | Nguyễn Thị     | Thùy   | 02/10/1994 | Quảng Nam | Khá      | DN15QTC |
| 29 | DN15QT0120 | Nguyễn Thị     | Thương | 17/05/1994 | Thanh Hóa | Khá      | DN15QTC |
| 30 | DN15QT0122 | Trần Thị Thu   | Trang  | 05/04/1988 | Bình Định | Khá      | DN15QTC |
| 31 | DN15QT0123 | Hà Đức         | Trung  | 27/09/1992 | Đà Nẵng   | TB Khá   | DN15QTC |
| 32 | DN15QT0124 | Lê Bảo         | Vy     | 01/03/1992 | Đà Nẵng   | Khá      | DN15QTC |

Danh sách gồm 32 sinh viên.

**6. Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử**

| TT | MSSV       | Họ và tên |       | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Xếp loại | Lớp     |
|----|------------|-----------|-------|------------|-----------|----------|---------|
| 1  | LD15DT0126 | Ngô Ngọc  | Trung | 22/09/1987 | Thanh Hóa | TB Khá   | LD15DTC |

Danh sách gồm 01 sinh viên.

*(Chữ ký)*

100  
TAY